

Bản án số: 136/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 5- 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh
2. Ông Võ Minh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1977; địa chỉ: ấp 2, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Thái Ánh Ng, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp Cây Huệ, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà Thái Ánh Ng có hỏi vay của chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng, vay làm ba lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vay 15.000.000 đồng vào ngày 18/02/2013 âm lịch; lần thứ hai vay 20.000.000 đồng vào ngày 06/5/2015 âm lịch; lần thứ 3 vay 15.000.000 đồng vào ngày 25/02/2016, hợp đồng vay không có thời hạn và lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, bà Ng có làm biên nhận nợ với chị và có trả tiền lãi vài lần nhưng chị không nhớ rõ là bao nhiêu.

Từ năm 2018 đến nay bà Ngkhông trả lãi và cũng không thanh toán tiền vay gốc cho chị, chị có yêu cầu nhiều lần nhưng bà Ngvẫn không trả. Chị có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết và tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2022 bà Ngthừa nhận nợ và hứa trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 01/2023. Nhưng từ đó đến nay bà Ngvẫn không thực hiện việc trả nợ cho chị.

Nay xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của chị bị xâm phạm, chị yêu cầu bà Ngtrả cho chị số tiền gốc là 50.000.000 đồng, chị xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyệt.

Tại bản khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Thái Ánh Ng trình bày:

Bà xác định số tiền 50.000.000 đồng gốc là tiền bà hỏi vay của chị T, số tiền này bà vay làm ba lần như chị T đã trình bày. Bà có làm biên nhận nợ với chị T và có đóng lãi cho chị T nhiều lần nhưng không nhớ rõ cụ thể số tiền là bao nhiêu, khi đóng lãi cũng không có làm giấy tờ gì.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà cũng đồng ý trả cho chị T số tiền trên nhưng hiện nay bà bệnh tật không có khả năng. Bà xin nợ lại 01 đến 02 năm sẽ trả dần cho chị T, bà không yêu cầu xem xét lại đối với tiền lãi đã đóng cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Bà Thái Ánh Ng giao trả số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Ng có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Ng là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Ng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bà Nguyệt.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu bà Ng giao trả số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 23/8/2023 là 45.815.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chị xác định chỉ yêu cầu bà Ng trả cho chị số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, chị xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với bà Nguyệt.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như căn cứ vào ý kiến trình bày của phía bị đơn bà Ng thừa nhận có hỏi vay của chị T số tiền gốc là 50.000.000 đồng và đồng ý chịu trách nhiệm trả cho chị T nên theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Từ đó căn cứ quy định tại điểm d khoản 2

Điều 9, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 có đủ căn cứ để buộc bà Nggiaio trả cho chị Tsố tiền gốc còn nợ 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn cầu được nợ lại 01 đến 02 năm sẽ trả dần cho đến khi dứt nợ do hiện nay bà bệnh tật, hoàn cảnh kinh tế của bà hiện rất khó khăn không có khả năng, nhưng yêu cầu này của bà Ngkhông được chị T chấp nhận nên cách thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng quyết định khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu tính lãi, chị T xin rút lại nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của chị T. Bà Ng cũng không yêu cầu xem xét lại khoản tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Ngchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Ng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T được chấp nhận nên bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.395.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005763 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 9, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với Bà Thái Ánh Ng.

- Buộc Bà Thái Ánh Ng giao trả cho Chị Nguyễn Thị Mỹ T số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Tcó đơn yêu cầu thi hành án, bà Ngchậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Ng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Chị Nguyễn Thị Mỹ T.

2. Về án phí:

Buộc Bà Thái Ánh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Chị Nguyễn Thị Mỹ T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.395.000 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005763 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án 22/5/2024, đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Văn Hôm